

Thiếu Úy LÊ ANH THÁI

Thiếu úy Nhảy Dù Lê Anh Thái tử trận khi tái chiếm cố thành Quảng Trị 1972. Khi được đơn vị giao hoàn xác con, người cha là Lê Anh Tuyển đã tìm thấy một lá thư viết gửi bạn chưa kịp gửi trong những di vật còn lại của con. Ông đã phổ lá thư đó thành bài thơ sau đây có tựa đề là : LÁ THƯ PLEIME vì thiếu úy Lê Anh Thái đã viết từ khi còn ở Pleime cho đến khi chuyển quân đến Quảng Trị vẫn chưa kịp gửi.

Thiếu úy Lê Anh Thái đã đền nợ nước khi mới tròn 24 tuổi, và có một đứa con mới chào đời 2 tháng đã mồ côi cha.



Lá Thư Pleime Lê Anh Tuyển

*Tao được thơ mà cả tháng nay
Hành quân liên tiếp suốt đêm ngày
Lưng không rời giáp, tay rời súng
Liên lạc thì không có máy bay*

*Tao vẫn luôn luôn nhớ tụi mày
Nhớ Sài Gòn đẹp nắng vàng hây
Nhớ đường Lê Lợi ngập hoa nắng
Nhớ ngã Tam Đa tà áo bay*

*Pleime suốt tháng mưa dầm dề
Mây ơi, thềm quá khói cà phê
Thềm tô phở tái thơm chanh ớt
Thềm rót bột đầy một cốc bia*

*Sài Gòn mây vẫn xem phim chương?
Băng nhựa còn thu nhạc Khánh Ly?
Những chiều thứ bảy còn đi nhót?
Hay lên ông già nhậu whisky?*

*Năm nay mây có lên đại học?
Hay thôi, xếp sách nhập quân trường?
Mây tính vào Dù hay Lục Chiến?
Tao chờ mây nhé, ái biên cương*

*Hôm qua thằng Tiến dẫn quân ngang
Giữa rừng gặp bạn mừng hơn vàng
Ôm nhau, hai đứa cười ha hả
Râu tóc bù xù như cái bang*

*Mây nghĩ, đã lâu không được tắm
Hành quân liên tiếp giữa rừng già
Ăn thì gạo sấy nhai qua bữa
Tối ngủ nằm sương lạnh cắt da*

*Hôm qua địch pháo giữa ban ngày
Tao bị thương xoàng ở bả vai
Mảnh đạn còn ghim trong thớ thịt
Mây đừng có nói mẹ tao hay*

*Mẹ tao không biết giờ ra sao?
Còn khóc đêm trường để nhớ tao?
Còn giận tao là thằng bất hiếu
Xem tình cha mẹ như chiêm bao*

Mẹ tao chỉ muốn tao quanh quẩn
Lính kiểng châu thành, lính phát phơ
Mây nghĩ, tội mình như cánh gió
Ai đi nhốt gió được bao giờ?

Những đêm biên cảnh sống xa nhà
Cũng thấy đôi lần nhớ xót xa
Cũng có đôi lần tao muốn khóc
Muốn về thăm mẹ... thế nhưng mà...

Thôi nhè, thư sau tao viết tiếp
Trục thẳng đã đáp trong vòng đai
Tàn thương lính đã đưa lên đủ
Tao viết thơ này vội gửi ngay



Tô Văn Cấp – K19

Vâng, dù đã gãy súng, nhưng những người lính bảo vệ Miền Nam Tự Do vẫn được người dân dưới xã hội của “kẻ thắng cuộc” kính trọng, sự hy sinh của họ được tôn vinh là “Hiển hách”

Chi tiết về thảm họa vào những ngày tháng sau cùng đã được chính những người lính TQLC trực tiếp tham dự kể lại trong các bài viết như: “Ngày Tháng Không Quên” của Đ/Tá Nguyễn Thành Trí, TLP/TQLC, của Th/Tá Phạm Cang viết về “TĐ.7/TQLC Từ Một Cuộc Di Tàn”, đã có “Người Lính Bị Bỏ Rơi” của Dr Phạm Vũ Bằng, “Hồn Hoang Trên Pháp Trường Cát Thuận An” của Cần Thơ, Trâu Điền Đ/Úy Kiều Công Cự viết về “Những Ngày Tháng Sau Cùng Của TĐ.2/TQLC”. Đ/Úy Tân An Đoàn Văn Tịnh với “Xưa Nay Chính Chiến Máy Ai Về”. Kinh Ngư Cao Xuân Huy viết “Tháng Ba Gãy Súng”. “Tháng Ba Chôn Súng” của Hùm Xám LQ Lê Khắc Phước, “Tháng Ba Buồn Hiu” của Tiểu Cần Nguyễn Thế Thụy, “Người Lính Sau Cùng Ở Tuyền Sông Bò” của Hắc Long Phan Văn Đương.

Những tác giả trên không phải nhà báo ngồi Mai Hương, Di-Val, Bò-Đá đánh giặc theo radio BBC, họ cũng không phải ở Quảng Trị, có thiên lý nhân để viết về chiến trận An Lộc. Họ là người trong cuộc, dù cấp bậc và chức vụ khác nhau, nhưng cùng cảm súng trong không gian mịt mù khói lửa, họ đã thấy, đã nghe những gì xảy ra trước mắt nên những gì họ ghi lại là tương đối chính xác như nhau, có khác chăng chỉ là tiểu tiết.

Những tác giả trên đây không phải là những nhà báo ngồi Mai Hương, Đĩ-Van, Bò-Đá đánh giặc theo radio BBC, cũng không phải VIP ở Quảng Trị, có thiên lý nhân viết về chiến trận Bình Long, An Lộc, mà những tác giả này là người trong cuộc

Ngày Tháng Sau Cùng Anh Ở đâu?

CaptovanK19@.com

Những ngày tháng sau cùng của tháng 3, tháng 4 năm 1975 anh ở đâu, làm g., thế nào, tại sao, là đề tài ai cũng thích kể cho người khác nghe và ai cũng thích không muốn nghe người khác kể. Biết vậy nhưng tôi vẫn cứ kể, viết lung tung khắp nơi. Nay nhân dịp kỷ niệm gần 50 năm mất nước, tôi xin trích một vài đoạn gọi là đề nhắc cho những đầu bạc ở tuổi cổ lai hy đừng quên những gì mình đã khóc ở tuổi 33. Đàn ông ở tuổi 33 là đang sung sức, tuổi tung hoành mà phải khóc vì mất quân, mất quần áo thì buồn thật! Nay sống kiếp tị nạn tuổi đã 75-80 có thừa, thừa mỡ, mũ áo xênh xang, quên chuyện cũ quay về nơi “tọt quần” năm xưa để tìm niềm vui thì buồn thật!

Ngày 30/4/1975 là cái tang chung của quân dân Miền Nam, tang thì dĩ nhiên là buồn rồi! Riêng đối với quân nhân các cấp thì ngoài cái buồn còn bị đau: “Sự nghiệp đang công đeo đuổi” bảo vệ đất nước thì “gãy gánh nửa đường”! Tùy hoàn cảnh lúc xảy ra đại tang, có người muốn quên, muốn chôn sâu, có người thì nhớ mãi, hằng năm vẫn “làm giỗ” cho đồng đội để nhắc cho chính mình bổn phận hiện tại.

Thôi thì mỗi vị ở một hoàn cảnh khác nhau, “bị” ra đi chưa hẳn là đáng trách nếu vào thời điểm đó không có trách nhiệm gì, không có quân trong tay, đứng trước tử thần thì khó ai mà không tìm lối thoát, nhưng người ở lại chưa hẳn đã là “anh hùng”.

Các anh chị kể chuyện Tháng Tư ra đi thì tôi xin kể chuyện Tháng Tư ở lại:

Quận Thuận Mẫn mất ngày 7/3/1975, gia đình con gái của anh Cả tôi là hai cháu Liên-Kính đang ở trong quân, không biết sống chết ra sao, chưa biết phiêu bạt nơi nào thì Ban Mê Thuật mất ngày 11/3/75,

dòng dân quân, xe cộ súng đạn chen chân trên Tỉnh Lộ 7B, xác người đứng, ngồi, nằm lại đây.

Nghe radio loan tin chiến sự lan nhanh tới Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng khiến “bu” tôi khóc, vì Đà Nẵng là nơi thằng con út của cụ là Tô Văn Cáp và thằng cháu nội Tô Văn Minh, cả hai là Không Quân, đang ở Đà Nẵng. Mẹ tôi cuống quýt lên, đi không nổi, ngồi không yên, bệt xuống sàn nhà, dựa lưng vào tường, tay lần chuỗi Mân Côi, miệng lâm râm cầu kinh rồi lại hỏi tôi đi hỏi tin tức con cháu của cụ. Tôi biết hỏi ai bây giờ? Thấy bà mẹ quê khóc đứng khóc ngồi, vừa khóc vừa đọc kinh, gọi tên các con cháu khiến tôi phải nghĩ cách nói dối để mẹ an lòng:

-“Mẹ cứ yên tâm, con đã nhờ mấy người bạn ở Tổng Tham Mưu đi tìm hộ rồi”.

Vừa nói dối Bà Mẹ Quê xong thì tôi nhận lệnh ra trình diện ngoài hành quân gấp.

Sáng 19/3/75, tôi vừa đi xin được mấy thùng mìn chống chiến xa từ một người bạn thủ kho đạn ở Long Bình về để tăng cường phòng thủ cho căn cứ Sóng Thần thì nhận được lệnh của Đại Tá Tham Mưu Trưởng (TMT) gọi ra trình diện hành quân ở Quảng Trị gấp. Tôi đi gặp Tr/Tá Nguyễn Đức Ân, Chỉ Huy Trưởng căn cứ Sóng Thần, nói:

-Tr/Tá cho người sang căn cứ để tôi bàn giao kế hoạch phòng thủ, số mìn chống CX, tôi cần một ngày bàn giao và sẽ chỉ ra hành quân ngày 21/3 mà thôi.

Tuy là Chỉ Huy Trưởng Căn Cứ Sóng Thần CHT/CCST nhưng Tr/Tá Ân kiêm luôn Trung Tâm Huấn luyện (TTHL) nên ông bận lo chuyện bên TTHL mà giao cho tôi toàn quyền lo việc trong căn cứ. Qua 4 đời CHT từ Th/Tá Trần Ngọc Toàn, Tr/Tá Lê Bá Bình, Đ/Tá Nguyễn Năng Bảo, rồi Tr/Tá Ân, tôi vẫn là người nhận lệnh và thi hành, nhưng lần này tôi quyết định trước rồi trình sau. Tr/Tá Ân có vẻ không vui nên nói ngắn gọn: “Tùy cậu”.

Cùng nhận lệnh với tôi có Th/Tá Doãn Thiện Niệm, anh là Đại Đội Trưởng Đại Đội Thủy Xa (một loại thủy xa kênh cang dùng làm kiếng), Niệm đã đi ngay trong ngày 19/3. Còn tôi, chuyện gia đình đang rối như canh hẹ, tôi mà báo cho mẹ tôi biết rằng tôi phải ra Huế, Đà Nẵng nơi thằng con út và cháu đích tôn của cụ đang ở đó thì chắc cụ

thăng thiên sớm, nên tôi đành phải lại nói dối mẹ là đi công tác ở Vũng Tàu.

Đúng lời hứa, tôi đến Bộ Tư Lệnh Hành Quân (BTL/HQ) tại căn cứ Non Nước Đà Nẵng chiều ngày 21/ 3/75. Vừa thấy tôi, ông L.Q chỉ tay vào mặt tôi và ra lệnh:

-Lệnh gọi từ 19/3, sao bây giờ ông mới ra? Tôi sẽ đưa ông ra tòa án quân sự, bây giờ đi liên lạc với Tr/Tá Phán để phòng thủ căn cứ Non Nước.

À ra thế, tôi đâu có ngờ gặp ông ở đây! Ông đang an bình ở SàiGon, bị Tư Lệnh gọi ra hành quân nên ông “hành” cấp dưới: “Tao ra mà cũng phải ra”.

Ruột đang nẫu như dưa hấu phơi nắng, nghe ông mắng và dọa sẽ đưa ta tòa án quân sự khiến tôi cũng phải bật cười, nhưng không nói gì mà coi đồng hồ chỉ 3 giờ chiều ngày 21/3/75. Thấy tôi mỉm cười, ông không nói thêm mà bỏ đi. Đây là lần thứ hai tôi bị ông L.Q này hành tở! Lần trước ở cổng TTHL Rừng Cấm, ông đứng với Tr/Tá Ân và mấy bông hoa, ông gọi tôi đến, tôi lái xe jeep đến tỉnh diện ông không đứng lễ nghi trước bông hoa nên ông thưởng tôi 15 ngày trọng cấm vì tội lái xe jeep không có tài xế. Lần này ông lại nạt nữa, phạt nặng hơn, sẽ đưa tôi ra tòa án quân sự, nhưng vẫn không quên ra lệnh cho tôi phòng thủ căn cứ Non Nước (ĐN).

Phòng thủ cái gì khi trong tay tôi không có quân mà chỉ có cây Colt? Nhiệm vụ phòng thủ là của Tr/Tá Phu Nhơn Nguyễn Văn Phán, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn Hành Dinh. Buồn tình tôi đi lang thang, bất ngờ gặp Đ/Úy Lê Quý Bình, cùng Khóa 19 với tôi, chàng hỏi thăm:

-Mày đang ở Căn Cứ Sóng Thần Thủ Đức mà ra đây làm cái củ cái gì?

-Ông TMT gọi tao ra để hành (quân), thế mày trông củ cái gì ở đây?

-Tao làm Phó Tiểu Đoàn 18 cho ông Trần Ngọc Toàn.

-Ông Toàn đang coi Tiểu Đoàn 4 mà.

-Ông ấy vừa bàn giao TĐ4 cho Đinh Long Thành để thành lập Tiểu Đoàn 18.

Đinh Long Thành là người thứ hai của Khóa 19/TQLC được làm tiểu đoàn trưởng sau Trần Văn Hợp trong số hơn 30 tên cùng Khóa cùng

Binh Chung. Long Thành “được” bàn giao giữa tiếng súng nổ đạn bay, tiểu đoàn trưởng chưa kịp biết mặt, biết tên các trung đội trưởng thì cái “Đình bị Long” ngay tại bãi biển Thuận An, Tiểu Đoàn Phó là Th/Tá Nguyễn Trí Nam và ĐĐT Đ/Úy Tô Thanh Chiêu, tử trận, rồi tiểu đoàn bị nạn vào ngày 27/3 trên pháp trường cát Thuận An!

Tình hình chiến sự biến chuyển từng giờ, ai cũng tối tăm mặt mũi, tôi được lệnh vào Trung Tâm Hành Quân Sư Đoàn (TTHQ/SĐ) trong căn cứ Non Nước Đà Nẵng để làm việc, để theo dõi tình hình chiến sự, nhờ vậy mà biết được tin tức các nơi, biết được LĐ.147/TQLC đang bị kẹt tại bãi biển Thuận An.

Trước khi mất Ban Mê Thuật, 3 Lữ Đoàn Dù 1, 2, 3 trấn thủ Đà Nẵng, còn 4 Lữ Đoàn TQLC ở Huế, Quảng Trị, như vậy là hai Lực Lượng Tổng Trừ Bị bị biến thành ĐPQ&NQ để giữ đất đóng đồn!

Ngày 11/3/75 Ban Mê Thuật thất thủ, ngày 13/3/75 Tổng Thống ra lệnh rút Dù về Sài Gòn làm tổng trừ bị, trong số những anh hùng Mũi Đò này hẳn là có nhiều K19 như Hải Khê Đoàn Phương Hải, Triệu Cháy Nguyễn Văn Triệu, Anh Võ Võ Trọng Em v.v.. Khi rút Dù từ Đà Nẵng vào Sài Gòn thì TQLC được lệnh kéo 3 Lữ Đoàn 258, 369, 468 từ Huế vào Đà Nẵng để trám chỗ trống do Dù rút đi, chỉ còn để lại ở Huế LĐ.147/TQLC mà thôi.

Lữ Đoàn Trưởng LĐ147/TQLC là Đ/Tá Nguyễn Thế Lương, LĐP là Tr/Tá Nguyễn Đăng Tổng K16, gồm có các Tiểu Đoàn 3, 5, 7 của các ĐĐT K20 là Nguyễn Văn Sử, Phạm Văn Tiên, Phạm Cang và TĐ.4 của K19 Đình Long Thành. LĐ.147/TQLC và SĐ.1/BB là lực lượng QĐI Tiền Phương dưới quyền chỉ huy của Tr/Tướng Lâm Quang Thi.

Khi bỏ Huế, Tướng Thi cho lệnh rút quân ra bãi biển Thuận An, xuôi Nam vào Đà Nẵng bằng cách dùng cầu hay tàu thuyền vượt qua cửa biển Tư Hiền, nhưng đi nửa đường thì ông Tướng cho lệnh dừng lại để chờ tàu Hải Quân vào đón, vì cầu qua cửa Tư Hiền không làm được. Nhưng không có tàu nào vào đón quân dân ta như lời ông Tư Lệnh hứa mà chỉ có con tàu ma*, thế mới kỳ! Do kỳ cục hay kỳ đã nào cản mũi mà tàu Hải Quân không vào bốc TQLC được, cũng không vào tiếp tế! Quân trên bờ hết đạn, hết lương thực, hết nước uống giữa tứ bề là nước, địch bao vây tấn công, Cọp Biển đành bị hy sinh “oan uổng”, chết đủ kiểu, chết trên bờ, chết dưới nước, chết trong lòng con tàu ma*, chết tức

tử, chết vì hỏa lực từ trên các đồi cát xả xuống, chết vì chửi thề rồi ôm nhau rút chốt lựu đạn mini tự sát!

(*một chiếc tàu vào bốc quân, nhưng vì số lượng đông quá sức chứa, tàu mắc cạn đang loay hoay tìm cách lui ra biển thì bị VC chơi B40, B41 vào tàu, người chết trong lòng tàu, người chết trên boong, người rơi xuống biển “chết vì nước” nên tôi gọi đó là con tàu ma, còn Thảng Ba Gậy Súng, Cao Xuân Huy gọi là quan tài sắt)

Hiện nay, năm 2012, đồng bào thôn An Dương và các thôn dọc theo bờ biển Thuận An đã và đang mới chỉ thu gom được 132 bộ xương trôi dạt vào bờ, trôi lên mặt cát rồi các ân nhân này đem tập trung vào một khu gọi là nghĩa trang với bia đá:



“Thập Loại Cô Hồn Hiên Hách Chi Mộ”.

Vâng, dù đã gãy súng, nhưng những người lính bảo vệ Miền Nam Tự Do vẫn được người dân dưới xã hội của “kẻ thắng cuộc” kính trọng, sự hy sinh của họ được tôn vinh là “Hiên hách”

Chi tiết về thảm họa vào những ngày tháng sau cùng đã được chính những người lính TQLC trực tiếp tham dự kể lại trong các bài viết như: “Ngày Tháng Không Quên” của Đ/Tá Nguyễn Thành Trí, TLP/TQLC, của Th/Tá Phạm Cang viết về “TĐ.7/TQLC Từ Một Cuộc Di Tàn”, đã có “Người Lính Bị Bỏ Rơi” của Dr Phạm Vũ Bằng, “Hồn

Hoang Trên Pháp Trường Cát Thuận An” của Cần Thơ, Trâu Điền Kiêu Công Cự viết về “Những Ngày Tháng Sau Cùng Của TĐ.2/TQLC”. Đ/Úy Tân An Đoàn Văn Tịnh với “Xưa Nay Chính Chiến Mấy Ai Về”. Kinh Ngu Cao Xuân Huy viết “Tháng Ba Gây Súng”. “Tháng Ba Chôn Súng” của Hùm Xám LQ Lê Khắc Phước, “Tháng Ba Buồn Hiu” của Tiểu Cần Nguyễn Thế Thụy, “Người Lính Sau Cùng Ở Tuyến Sông Bờ” của Hắc Long Phan Văn Đông.

Những tác giả trên không phải nhà báo ngồi Mai Hương, Di-Val, Bò-Đá đánh giặc theo radio BBC, họ cũng không phải ở Quảng Trị, có thiên lý nhãn để viết về chiến trận An Lộc. Họ là người trong cuộc, dù cấp bậc và chức vụ khác nhau, nhưng cùng cảm súng trong không gian mật mù khói lửa, họ đã thấy, đã nghe những gì xảy ra trước mắt nên những gì họ ghi lại là tương đối chính xác như nhau, có khác chăng chỉ là tiểu tiết.

Trong câu chuyện “Ngày Tháng Sau Cùng” này, tôi xin được trích một số chi tiết trong những tác phẩm kể trên để độc giả hậu phương, tuổi trẻ thế hệ nối tiếp có thể hiểu được trước đây ông, cha, đã sống và chiến đấu như thế nào và vì sao “ta” được an cư lạc nghiệp trên quê hương thứ hai, đừng quên chúng ta là người Mỹ gốc Việt Nam Cộng Hoà.

Lính cầm súng chiến đấu thì cầm chắc cửa tử trong tay, không chết nay thì mai, đang nhai miếng cơm sấy thì đạn bắn toét miệng, cơm, máu và óc văng vào mặt thằng bên cạnh! Họ không kêu không than không trách vì đó là bản phận, nhưng nếu chết vì cấp chỉ huy câu thả, “đem con bỏ chợ” thì không hiểu được, chỉ biết chửi thề.

Dù là tấn công hay lui binh đều cần có ít nhất là hai kế hoạch, vậy mà một cuộc lui binh cấp sư đoàn (+) lại chỉ có đường duy nhất là rút ra bờ biển, ra bờ biển thì bắt buộc phải có cầu hay tàu. Nhưng rồi Tướng HQ chẳng làm nổi một “cái cầu” để TQLC đi! Nếu có kế hoạch hai, lấy QL1 làm trục lui binh cho SĐ.1BB và TQLC thì quân ta rộng đường tiến thoái, dẫu có thiệt hại cũng không bị lâm vào cửa tử như đã xảy ra!

Khi biết TQLC bị kẹt ngoài bãi biển, Tướng TQLC đã ra mật lệnh cho Lữ Đoàn Trưởng LĐ147 rút ra, lui theo QL1, nhưng đã quá trễ rồi. Những bí mật này chỉ có “mặt trời” biết. Thế là đủ rồi, tôi mời các bạn vào vào Đà Nẵng.

Ngay khi có lệnh rút khỏi Huế từ chiều 24/3, người dân từ Bắc xuôi Nam, người từ Tam Kỳ Quảng Ngãi ngược lên, tất cả đổ vào cái túi Đà Nẵng, bao thảm cảnh xảy ra tại đây, có nhiều K19 chứng kiến, trong đó có Th/Tá Hoàng Trai, Tr/Tá Lê Khắc Kha. Tôi cũng bất ngờ bắt gặp hai chàng mặc quân phục Bộ Binh, đội beret xanh TQLC, đang lơ quờ chen chúc trong đám đông hỗn loạn, tôi tưởng hai chú TQLC này bỏ đơn vị nên cho QC chạy đến túm cổ... nhưng nhìn thấy trên ve áo của hai chàng có cái huy hiệu quen thuộc: “con rồng ngậm kiếm”, tôi biết họ là ai, nhưng không hỏi tên, khoá máy mà chỉ vội xúc lên xe đem về cùng tôi trong căn cứ Non Nước. Họ mới mẫn khoá, ra trình diện đơn vị, nhưng tìm không ra nên đi lạc vào mê cung. Tôi ở Non Nước, em tôi ở đài Rada Sơn Trà, cháu Tô Văn Minh ở phi trường Đà Nẵng mà không thể liên lạc được với nhau.

Sáng ngày 29/3/1975, khoảng 6 giờ, trong TTHQ/TQLC quá ngọt ngào, vì có VIP ba sao ngồi ôm đầu trong đó, tôi ra ngoài đề hít tí gió biển thì gặp hai anh Tr/Tá Nguyễn Xuân Phúc và Đỗ Hữu Tùng, Trưởng-Phó LD369, Trâu Điền Trần Văn Hợp, với những xe jeeps và cần câu, chúng tôi chuyên tay nhau ca cafe’ đen và điều thuốc ,hít khói vào thở ra hơi buồn và thở dài! Chúng tôi hỏi nhau về kế hoạch 5W, vì đã có lệnh bỏ Đà Nẵng mà chưa biết đi về đâu bằng đường nào? Con đường duy nhất là Biển Đông.

Non Nước sáng hôm 29/3 ấy trời âm u vì khói đạn pháo kích đêm qua còn bao phủ, ngọt ngào, bất chợt có tiếng ồn ào, mọi người hướng ra biển, nơi có ánh đèn nhấp nháy, đó là tín hiệu của 2 tàu LSM vào đón TQLC. Đại Tá Tư Lệnh Phó cho Bộ Tham Mưu, các đơn vị yểm trợ ra bờ biển trước. Tôi đứng nghiêm chào hai anh Phúc-Tùng và Hợp, bắt tay nhau mà nước mắt chảy vòng quanh, tức trào máu họng, các anh ở lại điều quân, tôi là dân tham mưu nên đi ra bờ biển trước, đi phía trước chúng tôi là Trung Tướng Tư Lệnh QĐI Ngô Quang Trường, Đại Tá Tư Lệnh Phó TQLC

Chiều tối 28/3, khi các tư lệnh đang họp tại BTL/HQ ở Tiên Sa thì VC pháo kích, buổi họp tan, quý tướng lãnh tan hàng. Tướng Thoại HQ thì không còn tàu đón, trực thăng của Tướng TQLC bị hỏa tiễn chém gãy cánh, hai ông đi bộ men theo sườn núi tìm “thuyền ra cửa biển”, còn Trung Tướng Tư Lệnh QĐI là Ngô Tướng Quân thì về với TQLC, thật là trớ trêu! Đêm qua, Tướng Trường “qua đêm” trong TTHQ/TQLC tại

Non Nước và sáng 29/3/1975, Ông cũng bơi ra tàu HQ như chúng tôi và đã được dìu lên tàu an toàn.

Sóng to gió lớn mà tàu thì đậu mút tầm 300m thì làm sao đây? Nhìn những anh em Công Binh bơm xuồng Zodiac, mang phao vào cổ mà thềm. Họ ung dung ngồi chờ trên bãi cát, sóng dội lên bờ rồi rút họ ra khơi theo, phao và xuồng cao su được kéo ra tuốt ngoài xa, tưởng như đến được tàu, nhưng không, sóng sau dồn sóng trước, hất ngược những zodiac lên bờ, còn những cái phao màu vàng cam thì bị sóng dập vùi, trôi dạt tứ phía, lững lờ như những đám lục bình trôi, và qua vài con sóng dập vùi, những người mang phao đã nằm bất động, chết vì nước!

Cùng tắc biển, tôi chợt nghĩ đến bài học vượt sông bên bờ hồ Than Thở, dùng poncho làm phao, sóng cao thì ngụp xuống cho sóng tràn qua đầu nên không bị kéo trở lại, đuối quá rồi, vào cái lúc sắp xuôi tay, miệng đọc kinh “nhân danh cha và con” thì một sợi dây thừng từ trên tàu bay tới, tôi chụp được sợi dây và được kéo lên, gật đầu cảm ơn những người quăng dây thì tôi nhìn thấy nụ cười nửa miệng của anh Th/Tá Phạm Văn Sắt K16 và Th/Tá Phan Công Tôn, nhưng Đ/Úy Nguyễn Văn Hương K17 TĐ được kéo lên nửa chừng thì bị tuột tay nắm dây, anh rơi trở lại biển, chìm vào đáy tàu!

Từ trên boong tàu Hải Quân, tôi nhìn xuống nước, tôi thấy mặt những người cột phao quanh cổ đã ngửa mặt tím ngắt lên trời, nằm bất động, họ đã chết thật rồi, vớt người sống chưa xong thì ai mà nghĩ chuyện vớt xác, coi như thủy táng, “lính thủy đánh bộ” mà, đằng nào cũng chết vì nước.

Trong lúc bao nhiêu người đang cố gắng tìm cái sống trong cái chết để bơi ra tàu thì VC pháo kích, khói bụi mịt mờ trên bờ nơi anh Phúc, Tùng và Hợp còn trên đó, người người tán loạn. Đạn rơi tồm-tồm quanh tàu, tàu bèn gài số de ra khơi, kéo theo những người bơi chưa tới, và họ không bao giờ tới được tàu HQ nên đành về Thủy Cung hay Thiên Quốc.

Số phận hai anh Phúc và Tùng “mất tích” từ đó, ngay sau những loạt hỏa tiễn 130 ly, không ai biết các anh đi về đâu, những ai không tận mắt chứng kiến thì đừng phịa chuyện rằng các anh đã lên trực thăng. Chán hơn nữa là có chàng nhà “zăng, nhá báo” HQ tên Kim nào đó ở tận Saigon viết về Đả Nặng dám phịa rằng hai anh Phúc và Tùng đang

boi ra tàu thì bị pháo kích chết! Xin lỗi anh tí, phía vừa thôi, anh ngồi tại Hải Quân Công Xưởng Sài Gòn mà biết chi chuyện Đà Nẵng!

Tôi tin rằng hai anh Phúc, Tùng mất tích trong khói lửa của VC, Trần Văn Hợp thì khá hơn, chúng tôi đã gặp nhau khi về đến Vũng Tàu. Nhưng còn một K19/TQLC khác cũng mất tích như hai anh Phúc-Tùng, đó là Hồ Ngọc Hoàng. Hoàng là TĐP/TĐ.6 của Tr/Tá Lê Bá Bình, Bình lên tàu được, nhưng cánh B của Hoàng thì kẹt lại và đã nhập chung với TĐ.9 của Th/Tá Lâm Tài Thạnh, họ chiến đấu suốt ngày đêm 29/3 ở chủng viện Sơn Trà và Hoàng mất tích trong đêm đó. Tất cả diễn tiến này đã được Ban 3 TĐ.9 là Đ/Úy Đoàn Văn Tịnh K22 viết trong hồi ký “Xưa Nay Chinh Chiến Mây Ai Về”

SĐ (-) TQLC về đến Vũng Tàu ngày 1/4/75, đóng quân trong căn cứ Úc Đại Lợi sát với bãi sau để bổ sung quân số và tái trang bị để tiếp tục nhiệm vụ lên đường hành quân.

Chiều xuống, sau khi xong việc, Hợp và tôi ngồi trên bãi cát, chân thò xuống nước, tai nghe radio transistor loan tin chiến sự, mắt nhìn ra biển khơi, tàu bè tới lui, đêm xuống xa xa cuối chân trời, thành phố biển sáng đèn, tàu xếp hàng ngang đi về đâu không biết, trên đó có bao nhiêu thượng cấp, lãnh đạo của đất nước tôi! Bất giác liếc sang bên phải là bãi biển “mộng mơ” mà trước đây đã một lần tôi dẫn người yêu ra đây ngắm trăng mặt. Vào lúc đầu sôi lửa bỏng của Tháng 4, chúng tôi tính chuyện gọi vợ con ra Vũng Tàu “nghỉ mát” mà trong đầu không hề nghĩ tới chuyện “tìm đường bỏ nước” ra đi.

Vợ chưa kịp ra thì ngày 16/4 mặt trận Phan Rang thất thủ, TQLC được lệnh lên đường tăng cường cho Quân Đoàn III, từ mặt trận Long Khánh, Long Thành, Biên Hòa, rồi Long Bình và tử thủ tại căn cứ Sóng Thần vào sáng ngày 30/4/75.

Một điều đau thương nhưng cũng rất hạnh diện để nhắc lại là vào thời điểm đầu sôi lửa bỏng này, TQLC được bổ sung một số thiếu úy Chiến Tranh Chính Trị và Võ Bị vừa làm lễ tốt nghiệp tại Long Thành, thay vì đi phép như các khoá đàn anh thì họ súng đạn ba-lô ra thẳng chiến trường, các niên đệ này đã chiến đấu và rồi nhiều anh em đã gục ngã khi trên ba-lô còn mang theo cái mũ SVSQ! Họ là những Khóa 28, 29 Võ Bị và K4 CTCT. Những anh em bị thương được đưa về bệnh viện Lê Hữu Sanh Thủ Đức thì trưa ngày 30/4 lại bị VC đuổi ra, “thằng mù công thằng què”! Ôi đau thương!

Sáng 30/4/75 khoảng 10 giờ, tại căn cứ Sóng Thần, Tango Đ/Tá TLP Nguyễn Thành Trí họp cùng các đơn vị trưởng, dù trong tình thế tuyệt vọng nhưng ông hài lòng khi thấy tất cả các đơn vị trưởng đều có mặt, các đơn vị vẫn chỉnh tề hàng ngũ, súng vẫn cầm tay, tử thủ tại đây, không có đại đơn vị VC nào có thể vượt qua tuyến này. Nhưng vận nước đã không được quyết định bởi những người trực tiếp cầm súng, mà ở tận mãi đâu đâu, ở lầu 3 góc “chành-chành” hay 5 góc, lầu cao gác tía, Tonton ra lệnh đầu hàng, quân sĩ ngỡ ngàng ngỡ ngác!

- “Là quân nhân, nhưng không làm gì khác được, thôi anh em về với đơn vị, giải thích cho các cấp biết, nhiệm vụ cầm súng của chúng ta đã bị kết thúc”.

Tango Nguyễn Thành Trí, Đại Tá Tư Lệnh Phó Sư Đoàn TQLC nói với các đơn vị trưởng xong, ông ngược mặt lên trần nhà cho nước mắt không rơi, quay sang tôi ông nói:

-Cần Thơ ở lại để bàn giao căn cứ Sóng Thần cho phía bên kia! Tôi biết Đại Bàng Tango lập lại câu nói của TT Big Minh cho có lệ và cũng là lúc Hợp nắm tay tôi, nháy mắt, hát đầu về phía doanh trại TĐ.2/TQLC, nằm phía Tây trong căn cứ. Hiểu ý cái nắm tay của Hợp, tôi “bất tuân thượng lệnh”, không bàn giao cái căn cứ cho thằng “cù cái” nào cả mà đi theo thằng bạn cùng khóa về vị trí đóng quân của nó cho có đôi vào lúc khoảng cách sinh tử là sợi chỉ.

Sau khi nói lời cuối cùng với quân sĩ Tiểu Đoàn, Hợp vốn bản tính bình tĩnh lắm lì cũng phải quay đi lau nước mắt rồi cùng tôi kẻ trước người sau đi ra khỏi căn cứ ST. Như cái xác không hồn, chúng tôi nương theo dòng người men theo ven xa lộ để về trại gia binh Cửu Long Thị Nghè. Vừa ngang tới đoạn hăng “xi-măng” Hà Tiên thì nghe súng nổ giòn phía trước, chỗ ngã ba Cát Lái. Tụi nó cối dạt về sau, lum khum chạy núp hai bên đường bắn trả, tôi nghe tiếng Bắc Kỳ quen quen:

-Địt mẹ bọn Trâu Điền ngoan cố.

Thần hồn nhát thần tính, hể thấy rần rì là chúng gọi “Trâu Điền”. Chúng vẫy tay, ra hiệu cho đồng bào đi trước đi. “Các anh bộ đội tử tế quá”! Tôi liếc Hợp rồi hát hăm:

-Đi.

Nào ngờ đồng bào đi trước, giặc cướp trợn trâu theo sau liền, vì dĩ nhiên “lòng súng nhân đạo” của những người anh em Trâu Điền tách

bây, chiến đấu tới cùng đã không bắn vào quân VC, vì chúng đi lẫn vào dân ta. Tôi chửi thảm đung điệu quê hương BK:

- Địt mẹ con cháu ba-ác tàn ác, lấy dân làm bia đỡ đạn.

Về đến Thị Nghè thì thấy phía trước một toán cánh tay đeo băng đỏ đi ngược lại phía tôi, tay chúng cầm súng M16 thỉnh thoảng bắn ông “Thiên”, chúng đang xô đẩy một bộ rằn ri bị trói 2 tay phía sau. Tôi nhận ra người Thượng Sĩ này, anh là an ninh trưởng trại gia binh Cửu Long, nơi gia đình vợ con tôi đang trú ngụ. Tránh đâu bọn trâu đánh này? Tôi xẹt vào một cái sân nhà bên đường, núp sau những chậu bông mai tứ quý, liếc phía sau, thấy Hợp cũng xẹt vào con hẻm gần đó.

Bài viết này xin kết thúc ở đoạn tuyệt đại đa số các cấp lãnh đạo và chỉ huy ở Saigon thì tìm đường ra sông ra biển, không phải để tử tử mà đi tìm đến chốn bình an, trong khi các TQLC đang đóng quân tại Vũng Tàu như đi “nghỉ mát”, thiên thời địa lợi nếu muốn “vượt biển một mình” thì dễ như trở bàn tay. Nhưng vì nhiệm vụ lại kéo nhau trở vào đất liền, tiếp tay ngăn quân thù với SĐ.18, và cuối cùng thì tử tử ở căn cứ Sóng Thần, rồi tuyệt đại đa số các cấp chỉ huy TQLC từ Tư Lệnh Phó, các Lữ Đoàn Trưởng, Tiểu Đoàn Trưởng, Trưởng Phòng, Đại Đội Trưởng, Trung Đội Trưởng đều vào tù!

Cùng một đội tù tại Long Giao gồm có 3 K19 là Trần Văn Hợp, Huỳnh Văn Phú, Tô Văn Cấp, TQLC/17 Trần Kim Hoàng, Lê Văn Cưu, TQLC/21 Trần Quang Duật, Doãn Thiện Niệm, Lê Xuân Sơn và nhiều Võ Bị và Võ Khoa TQLC khác nữa như Th/Tá Lê Đình Bảo, Th/Tá Lâm Tài Thạnh, Th/Tá Quách Ngọc Lâm v.v..

Những mất mát liên tiếp xảy đến trong ngục tù là tử tử, tử nạn như các Tr/Tá Nguyễn Văn Nhiều K14, Nguyễn Đăng Tổng K16, Huỳnh Văn Lượm K17, Đoàn Thức, Nguyễn Hữu Cát, Th/Tá Trần Văn Hợp K19 v.v.. và tôi được tặng gần 10 cuốn lịch.

Kết thúc những ngày tháng sau cùng của chúng tôi là như thế, như thế, thế còn các bạn thì sao? Hẳn cũng ba chìm bảy nổi chín cái lênh đênh! Hãy viết đi, ít ra cũng “còn một chút gì để nhớ để thương” cho chính mình và thương các đồng đội tàn phế tại quê nhà./.

Chuyện Tình Của Hân

Châu Hà



Dịp Lễ Tết ở Mỹ vừa qua, đi loanh quanh trong Shopping Mall, Hân ngạc nhiên trong tiệm Macy có bán những giỏ đệm, còn gọi là giỏ cói, giỏ lác, giỏ lát. Hân bâng khuâng tự hỏi: “Đây là

loại giỏ đệm mà các bà vợ miền Nam một thời thường dùng mang đồ đi thăm nuôi các ông chồng sĩ quan tù cải tạo. Chúng cũng từng cùng Hân đi thăm anh trong tù, dù ngày ấy Hân chưa hề là “bà”. Mấy cái giỏ đệm làm Hân gọi nhớ những ngày cũ.

Anh gửi thư từ chiến trường Đông Hà, Quảng Trị, nơi địa đầu giới tuyến:

-"Năm Mới, anh chúc Hân luôn chăm học và thi đậu. Tổng Thống Thiệu đọc chưa xong bài diễn văn đầu năm, anh đã ngủ mất tiêu. Nơi anh ở là cái Poncho (cái lều nhỏ), Hân mà chui vào cái lều này phải cúi gập người xuống, còn chị PN sẽ đi thẳng vào lều dễ dàng hơn..."

Chị PN là con gái của bác chủ quán cà phê NM ngay bên cạnh viện đại học Vạn Hạnh, gần chợ Trương Minh Giảng, chuyện của anh và Hân cũng bắt đầu từ quán này. Hân cho chị PN đọc ké thư của Hân, chị giận anh quá chừng và nói:

- Ý nó chê ta không được cao?

Những lần về phép của anh luôn là bất ngờ đối với Hân, ngạc nhiên không biết trước. Chiều tan trường, ngày nào cũng vậy dòng xe kẹt cứng khó qua, Hân cùng nhóm bạn chiều ấy qua đường dễ dàng hơn. Hôm sau vào lớp, các bạn lao xao kể, chiều hôm qua có ông lính rằn ri Thủy Quân Lục Chiến, dang tay đứng giữa đường chặn dòng xe cộ cho tụi mình qua, nhờ bạn khác nói: “Nhưng mà ông đứng chặn xe có một lúc à”.

Hân nghe các bạn nhao nhao kể, và tự mắc cỡ nghĩ lại chiều hôm qua, anh chạy theo chiếc xe Cady của Hân, đến ngã tư Yên Đỗ và Trương Minh Giảng, vì đèn đỏ phải dừng Hân gặp anh ngừng xe bên cạnh, anh nói vội:

- "Mai anh đi, tạm biệt nhé..."

Anh luôn là ngạc nhiên và bất chợt đối với Hân.

Lần về phép kế tiếp, anh cùng hai người bạn trên một chiếc xe Honda, ba người lính trên một cái xe, anh là người ngồi sau cùng, nhảy phóc xuống khi thấy Hân giờ chiều tan trường, Hân đang lúc đi bộ một mình. Anh bình thần đi bên Hân, còn Hân thì sợ, sợ cái sánh bước chung đôi, sợ lời dị nghị của các bạn trong xóm, vì sắp về đến xóm nhà rồi. Sợ quá, đến nỗi chiếc hài của Hân văng ra giữa đường, chân Hân lúnh quính sai nhịp bước...? Anh thần nhiên ra nhặt lại chiếc hài giùm Hân. Mồ hôi của Hân nhỏ giọt rồi, may quá, hai anh bạn vòng lại đón anh. Anh vội vã nói:

- “Ngày mai anh đi, hết phép rồi, chúc Hân thi đậu.”

Thư gửi về, anh viết:

“Anh đọc được cái lúng túng của Hân rồi, xin lỗi làm Hân sợ”.

Hân nghĩ thầm, sợ thật chứ, mắc cỡ nữa, tại sao chiếc hài lại văng ra giữa đường vậy Kỳ quá! Chỉ nghĩ vậy thôi là đôi má của Hân lại đỏ bừng lên.

Hân thi đậu Tú Tài Một, mừng và báo tin cho anh, ngày gửi thư, thùng thư bên cạnh cây xăng góc ngã tư đường, Hân cứ đứng tần ngần mãi, mắc cỡ, sợ ai đó bắt gặp Hân đang "hình như là tình yêu".

Thư đến tay anh, thêm ngạc nhiên, anh về phép bất ngờ đúng vào ngày gia đình có bánh kem nhỏ mừng Hân thi đậu. Anh về vội chỉ một ngày thôi, chỉ để nói hai điều thôi, chúc mừng Hân thi đậu và Hân không nên mặc cảm nhà nghèo. Ánh mắt nhìn Hân và lại vội vã đi ngay. Thư về, anh viết: "Hân nói, Hân là con số không, không là gì cả, anh cũng vậy, anh cũng là con số không, hai chúng ta cộng lại là số tám, là cái còng, còng đời nhau lại, và sẽ có thêm bao nhiêu cái còng con con nữa". Đọc đến đây Hân đỏ mặt ngượng ngùng.

Thư thưa dần.

Mặt trận Hạ Lào, rồi Mùa Hè Đỏ Lửa, anh miệt mài bạc màu áo trận. Chiến trường đến hồi khốc liệt, Hân mong thư anh và Hân đọc câu thơ của ai đó:

*Ta vẫn biết dân mình phiêu bạt,
Ta biết em mang hoài bão trong lòng,
Ta muốn em cùng dân tộc long đong,
Đừng yên ngủ suốt đời bên sách vở.*

Hân phải làm gì cho anh cho đất nước? Với câu thơ “Đừng yên ngủ suốt đời bên sách vở...?” Hân viết thư cho anh nhiều hơn và ôm chiếc radio nhỏ nghe tin tức từ chiến trường ngày càng khốc liệt. Và rồi sau 1975, Sài Gòn sụp đổ, như mọi sĩ quan của VNCH, anh vào trại tù của cộng sản.

Ngày đó, khoảng hai giờ sáng, xe lam chở Hân đến bến xe Chợ Lớn. Ông xe lam giúp Hân đem hai giỏ đệm đầy thức ăn xuống trước, hai giỏ đệm đã sẵn sàng dưới sân, Hân ngược cổ nhìn lên nóc xe lam, chờ thêm một giỏ đệm nữa. Bỗng Hân nghe tiếng chân chạy nặng nề sau lưng, như có linh tính, Hân quay lại. Ôi, một tên trộm xách hai chiếc giỏ đệm của Hân chạy rồi kìa! Nhưng có lẽ hai giỏ đệm của Hân quá nặng, có lẽ tiếng hét của Hân quá to, nên tên trộm vội bỏ lại hai giỏ đệm và chạy thực mạng vào xóm tối.

May mắn Hân gặp được những người cùng cảnh với nhiều giỏ đệm, họ có thân nhân cùng chung trại tù với anh. Xe đò vào đường đất đỏ bụi mù, vượt đường dài đến Phước Long, Sông Bé, thả những người thăm tù xuống căn nhà gỗ nhỏ trống vắng giữa rừng. Phải thêm một chuyến xe nữa, chỉ chở những người thăm tù vào trại chính, xe mệt mỏi chạy qua những đồi, những suối, qua những hàng cây lồ ô xoay quanh vùng đất đỏ. Gần đến trại tù, mưa và gió rất mạnh, nước mưa ào ào trút

xuống từ trên mỏm đồi cao, cây cầu nhỏ bị những cành cây lớn văng vào đổ sập xuống, con đường vào trại tù bị chặn lối.

Ông tài xế khuyên bảy người khách trở về lại căn nhà gỗ nhỏ lúc này, chờ sáng mai mưa tạnh, và ông sẽ liên lạc với những “cai tù” xem sao. Hân muốn theo ông tài xế về lại căn nhà gỗ, nhưng trong nhóm sáu người còn lại không ai chịu đi. Hân sợ phải ở giữa núi rừng một mình qua đêm, đành ở lại theo nhóm.

Bảy bà, gồm cả Hân nữa, sợ trễ giờ thăm nuôi, vội vàng nhặt những cành cây to còn chắc, móc các quai giỏ đệm vào cành cây vũng chắc đó, lội theo dòng nước để kịp qua bờ bên kia. Anh thanh niên còn lại hét to ngăn cản:

- “Các bà quay trở lại ngay, nước đang chảy mạnh, các bà sẽ bị nước mạnh chảy xiết cuốn trôi đi mất..., phải lội ngược về lại bờ bên này”.

Lội ngược trở lại cầu an toàn, Hân nghĩ chắc cũng nhờ những giỏ đệm quá nặng, chắc vậy, con sóng nước phải chịu thua?

Nhóm người trở ngược về bờ cũ, nằm vật ra trên sườn đất đỏ. Mưa vẫn tiếp tục nặng hạt, cả nhóm được che trên đầu một cái áo che mưa, bảy người chui vào để chỉ che được bảy cái đầu, cứ ngồi như vậy suốt đêm.

Trời gần sáng, những phút khó thở giữa đêm hôm đó, Hân phải lòi đầu ra ngoài áo che mưa để thở, ngạc nhiên thấy một người, rồi hai người, rồi ba người...núp sau những rặng cây um tùm gần vách đồi, họ cầm cái rựa to lắm, họ nhìn trừng trừng vào nhóm bảy bà...

Sợ họ giết, sợ họ cướp những giỏ đệm, cả nhóm làm rằm đọc kinh xin Chúa Phật che chở. May mắn, họ bỏ đi. Chắc họ là nhóm người Thượng trong rừng.

Mưa tạnh, mờ mờ sáng, những người tù phải lội qua sông bên này, giúp chúng tôi vác giỏ đệm trên vai về bờ bên kia, các anh còn phải đi bộ thêm một quãng xa nữa mới về đến trại tù chính.

Xe đồ trở lại, nhóm thăm tù chưa được từ già những người thân, vội vàng lên xe để kịp về thành phố.

Hân vẫn còn "duyên" với những chiếc giỏ đệm, khi nghe tin anh chuyển trại tù.

Lần này Hân phải đi xa lắm, tận trại tù Gia Trung ở Gia Lai-KonTum.

Lại thêm những chuyên xe đò, trên xe có các chị buôn bán hàng chuyên, các chị ăn me ngào quét trong những cái bánh trắng (bánh đa) tròn nhỏ màu vàng, các chị cắn cái bánh trắng cùng me ngào nghe rộp rộp.... các chị đau bụng, xe phải ngừng nhiều lần, thời giờ dài thêm ra.

Thêm một đêm ngủ trên xe, thỉnh thoảng xe ngừng cho khách vào những quán ăn bên đường, khách được rửa mặt lau bụi đường. Hành khách lại lục đục lên xe, các chị vẫn ồn ào, xúm nhau đánh bài cào xì phé gì đó, các chị cười lớn tiếng. Cùng các hành khách khác trên xe, Hân cũng không chớp mắt được, nhìn ra cửa kính, phải tự thốt lên: “Ồ, lần đầu tiên được thấy trăng sáng to giữa biển Đại Lãnh, trăng đẹp và buồn quá đối với Hân lúc này, biển và trăng làm Hân xúc động vô cùng. Trời sáng hẳn, xe đò tăng tốc độ vào đèo An Khê, nhìn xa xa trên khúc đèo cao kia có chiếc xe đò đang trên đó, lát nữa xe của Hân đang ngồi đây cũng sẽ lên đến đó, xe lên cao rồi xe lại đổ dốc đèo ngoằn ngoèo, cảnh đèo quanh co làm Hân sợ. Xe đang đổ dốc, các chị buôn hàng chuyên muốn xe ngừng vì đau bụng. Chao ơi, anh lơ xe nhảy phóng ra khỏi xe, xe chậm lại và ngừng hẳn. Anh xe lơ cầm sẵn khúc gỗ to dài chặn cái bánh xe đằng trước lại. Nhìn cảnh này Hân thêm hãi hùng, thêm sợ.

Đến gần cuối dốc đèo, xe ngừng, chỉ có mình Hân cùng những giỏ đệm xuống xe. Trại tù Gia Trung ở đâu tuốt trong rừng sâu, nhìn ba giỏ đệm những người bạn thân mến của riêng Hân. Làm sao bây giờ? Làm sao để xách, để vác hết “các bạn” vào đến nơi, vì đường bộ còn xa lắm. Hân phải ôm một giỏ đi trước, khi mệt Hân để giỏ xuống, quay lại giỏ thứ hai, rồi thứ ba. Từng đoạn, từng đoạn, cứ tiếp tục như thế đến giỏ đệm thứ ba là giỏ núi bắt đầu lạnh ban chiều.

Nhà thăm nuôi tại K1 trại tù Gia Trung: Cái bàn gỗ hình chữ nhật, dài khoảng bốn mét, anh và Hân ngồi đối diện, cai tù công an ngồi giữa phòng. Nói gì được với anh trong hoàn cảnh này. Nhìn anh-người tù khôn khéo, ánh mắt anh vẫn giữ bình tĩnh cam chịu.

Khi Hân ôm những giỏ đệm đến gần tay anh, cai tù lạnh lùng lớn tiếng ra lệnh cho Hân đem từng món ra khỏi giỏ. Hân nghĩ chắc hẳn muốn khám xét gì đây? Đã khám ở ngoài công chính rồi mà? Gã cai tù đột ngột nói:

-Ngừng...không được đưa thêm gì nữa, vì người tù đang bị kỷ luật.

Anh chỉ có được vài thức ăn mà Hân “vô tình” không biết trước để chọn đưa anh.

Ánh mắt của anh và Hân muốn rực lửa, nhưng rồi cũng đành phải dịu lại, chịu đựng. Cả anh lẫn Hân đều đang như cá trên thớt của “kẻ thắng cuộc hõm hĩnh”.

Phải “né” phải nhịn, nhưng không tuyệt vọng đâu, phải không anh, Hân thâm nghĩ như vậy.

Anh đã bị đưa lại vào trại tù. Chiều rồi, Hân phải ngồi lại ở nhà thăm nuôi đó chờ sáng.

Anh và Hân đang cùng chung một mảng trời mà tưởng chừng ngàn trùng xa cách.

Sáng hôm sau, thêm khách thăm nuôi, Hân phải ngồi đó để chứng kiến cảnh người tù gãy một chân cùng đôi nạng, tiếng khóc của vợ con rồi sau đó là chiếc giở đệm trên vai anh khập khiễng vào nơi không bản án cho người tù.

Rời khỏi trại tù, ra được ngoài lộ, đập xe đi được một đoạn rồi bị bỏ xuống nhưng không còn chuyến xe nào để về. Đành cùng nhóm người thăm nuôi hôm qua, tất cả phải ngủ lại ở nhà trọ gần bến xe Pleiku. Chiều tối hôm sau, có chuyến xe lúc 9 giờ. Đường về, xe lao vào đèo An Khê tối om. Bà già thăm con cùng trại tù, bà ngồi hàng ghế cạnh bên Hân, bà đang lần tràng hạt cầu nguyện, Hân nhắm mắt cầu nguyện. Hân sợ vì đã thấy cảnh đèo quanh co vào ban ngày.

Xe dừng ở ga Diêu Trì, Quy Nhơn vào khoảng trưa hôm sau, Hân không thể nào mua được vé xe lửa. Cùng nhóm người, Hân phải ngủ bụi qua đêm trước sân những căn nhà gỗ gần sân ga.

Đêm nghe tiếng kêu cứu “cướp...cướp”, tên cướp nhảy ngang qua đầu Hân.

Sáng ra, bằng mọi cách, Hân phải mua cho được vé xe lửa. Hân soạn lại những thức ăn trong ba giỏ đệm, tìm những thức ăn khô còn giữ được lâu để dành cho lần thăm kế tiếp, gom vào một giỏ. Hai giỏ đệm còn lại, bạn đồng hành cùng Hân được đổi một vé tàu "chợ đen" và Hân phải đưa thêm ít tiền nữa.

Gần sân ga, nhìn thẳng bé cầm mấy bàn chải đánh răng có sẵn kem đánh răng, rao to:

- “Cho mượn bàn chải đánh răng đây...”

Hân ngạc nhiên, tưởng thằng bé giỡn chơi, ai dè, Hân thấy có người đưa tiền cho nó và nó thối lại tiền, rồi họ vào một góc sân nhếch nhác có vòi nước công cộng và họ xúc miệng đánh răng xong, trả lại bàn chải răng cho thằng bé.

Tiếng còi tàu, tiếng lao xao nhiều người lên tàu, Hân chợt tỉnh leo lên xe lửa. Trên toa xe lửa, người và người chen chúc. Hân không nhớ được là phải ngủ trên tàu bao lâu nữa mới về đến sân ga Bình Triệu, Sài Gòn.

Về tới nhà, Hân còn lại chiếc giò đệm thân yêu làm bạn trong những ngày chờ đợi, chờ ngày anh về hay chờ thêm lần thăm nuôi nữa?

Ngày đó, Hân chỉ biết chờ và chờ.

Sau 8 năm chờ đợi, thêm mấy lần thăm nuôi, rồi cũng đến ngày anh trở về.

Khi loạn báo lễ cưới, các đồng nghiệp dạy cùng trường ai cũng ngạc nhiên, thấy Hân lâu lâu mang giò đệm đi thăm tù, cư tưởng Hân đã là vợ.

Hai bà sui gia ra Chùa tìm thầy xem tuổi xấu tốt của hai đứa - anh và Hân. Hân nghĩ lẽ ông Thầy nói hai tuổi không hợp, không thể đến với nhau...?

Đến tình cảnh này, sau 8 năm đợi chờ mà hai bà sui còn đi xem bói? Anh ra Chùa hù ông Thầy và nói:

- “Thầy ơi, dấn thân ty hợi tứ thành thương...chứ không có cái vụ tứ hành xung nha thầy”

Thế là hai bà sui được thầy mời đến, để thầy nói lại cho rõ theo ý anh:

-“Dần Thân Ty Hợi Tứ Thành Thương”

Anh và Hân giờ (2023) không còn trẻ, đang hưởng tuổi già về hưu nơi xứ người, nước Mỹ là quê hương.

Bao năm đã qua, một ngày bỗng thấy lại cái giò đệm, giò lát treo bán ngay trong mall. Có phải chúng tới từ Việt Nam quê cũ?
